

PL1: Danh mục vật tư dự phòng, thay thế cung cấp dịch vụ Bảo trì hệ thống khí nén chính và khí nén thải xỉ - NMNĐ Thái Bình 2 (TB2026-80)

STT	Mã chuẩn hóa vật tư	Tên hàng hóa/ dịch vụ	Thông số kỹ thuật/ Yêu cầu kỹ thuật	Nhà sản xuất, xuất xứ	ĐVT	Khối lượng			Thời điểm cần sử dụng
						Nhu cầu sử dụng	Tồn kho	Mua sắm bổ sung	
I		Khí nén điều khiển							
1	48865027	Màng cân bằng cụm nén cao áp (Diaphragm)	part no.1616592400	Atlascopco	Bộ	2	0	2	Tháng 10/2026
2	58560187	Bộ gioăng đệm lắp đặt cụm nén cao áp (HP compressor element exchange kit)	part no.2906048500	Atlascopco	Bộ	2	0	2	Tháng 10/2026
3	58560190	Bộ gioăng đệm lắp đặt cụm nén thấp áp (LP compressor element exchange kit)	part no.2906048400	Atlascopco	Bộ	2	0	2	Tháng 10/2026
4	58560191	Bộ gioăng đệm giàn trao đổi nhiệt (Cooler cleaning kit)	part no.2906049000	Atlascopco	Bộ	1	0	1	Tháng 10/2026
5	58806084	Phin lọc khí hộp số (Filter element)	part no.1621073500	Atlascopco	Bộ	2	0	2	Tháng 10/2026
6	51931332	Bộ gioăng đệm bộ tách xả nước (Set of seals)	part no.2901066200	Atlascopco	Bộ	4	0	4	Tháng 10/2026
7	51931333	Bộ phụ kiện van tách xả nước (Set of wearing parts)	part no.2901065900	Atlascopco	Bộ	4	0	4	Tháng 10/2026
8	51975011	Van một chiều (Intercooler drain check valve)	part no.8204094034	Atlascopco	Bộ	2	0	2	Tháng 10/2026
9	15101089	Mỡ chịu nhiệt Atlas Copco Roto Glide Amber (Atlas Copco/Đức)	part no.2901033803	Atlascopco	Hộp	2	0	2	Tháng 10/2026
		Khí nén dịch vụ							
1	50374055	Bearing	78250AC/78537	Timken	Cái	2	0	2	Tháng 10/2026
2	50374053	Bearing	9285/9220	Timken	Cái	4	0	4	Tháng 10/2026
3	50374062	Bearing	HH914449/HH914412	Timken	Cái	2	0	2	Tháng 10/2026
4	50324098	Bearing	NU 315 ECP/C3	Timken	Cái	1	0	1	Tháng 10/2026
5	50324073	Bearing	NU 313 ECP	Timken	Cái	2	1	1	Tháng 10/2026
6	50324099	Bearing	NU 219 ECP	Timken	Cái	1	0	1	Tháng 10/2026
7	48564373	Phốt	89292445	Inger Soll Rand	Cái	1	0	1	Tháng 10/2026
8	58560261	Gioăng	95023388	Inger Soll Rand	Cái	1	0	1	Tháng 10/2026
9	58560262	Gioăng	95022125	Inger Soll Rand	Cái	1	0	1	Tháng 10/2026